



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: _____

IV#: _____
LOI#: _____
I-171#: _____ Y NO
EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGUYEN VÂN BÊ
Last Middle First

Current Address: 83/22A Tôn Đức P. 14 Q. 4 T.P. Hồ Chí Minh

Date of Birth: 2/27/1943 Place of Birth: Saigon

Previous Occupation (before 1975) 1st Lieutenant
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 6/27/75 To 8/14/80
Years: 5 Months: _____ Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: _____
Name
Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : Nguyễn Văn Bê
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
Đỗ Thị Gôn	5/17/42	Wife
Nguyễn Trung Dũng	10/29/64	Son
Nguyễn Thị Trúc Mai	10/9/86	Daughter
Nguyễn Thị Trúc Loan	2/21/68	Daughter
Nguyễn Trung Cường	5/27/69	Son
Nguyễn Trung Phong Thanh	9/19/75	Son

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

ODP IV # _____

DATE : 11, 01. 1990
TN :

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS

(Lưu hỏi người nộp đơn)

A. BASIC IDENTIFICATION DATA ..

LÝ LỊCH CĂN BẢN

1. NAME : NGUYỄN-VĂN-BE
Họ và tên :
2. Other name : none
Họ tên khác : Không
3. DATE/ PLACE OF BIRTH : 27-02-1943, SAIGON
Ngày nơi sinh :
4. Residence address : 83/22A. TÔN-ĐẢN, F.14, Quận 4,
HỒ-CHÍ-MINH CITY. VIỆT-NAM
Địa chỉ thường trú :
5. Mailing address : 83/22A, TÔN-ĐẢN, F.14, Quận 4,
HỒ-CHÍ-MINH CITY, VIỆT-NAM
6. Current occupation : Thợ sơn (làm tử tại nhà)
nghề nghiệp

B. RELATIVES TO ACCOMPANY ME ..

Bà con cùng đi với tôi.

(NOTES: your spouse and unmarried children are only relatives eligible to accompany you. list marital status (MS) as follows: đã tập gia đình (M) đã ly dị (D), góa phụ/ góa tử (W) hoặc độc thân (S).

	NAME Họ và tên	DATE OF BIRTH (ngày sinh)	PLACE OF BIRTH nơi sinh	SEX phái	MS tình trạng gia đình	RELATIONSHIP Liên hệ gia đình
01	ĐỖ-THỊ - GON	17-05-1942	Saigon	Female		Wife (vợ)
02	NGUYEN TRUNG DUNG	29-10-1964	Saigon	male	M	Son (con)
03	NGUYỄN-THỊ TRÚC MAI	09-10-1966	Saigon	Female	S	Daughter (con)
04	NGUYỄN-THỊ TRÚC LOAN	21-02-1968	Saigon	Female	M	Daughter (con)
05	NGUYỄN-TRUNG GUONG	27-05-1969	Saigon	male	S	Son (con)
06	NGUYEN TRUNG THANH	19-09-1975	Saigon	male	S	Son (con)

(NOTE: for the persons listed above, we will need eligible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced), spouse's death certificate (if widowed), identification cards (if available), and photos. if any of above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in Section I below).

Chú ý: Cho mỗi người có tên trên danh sách trên, chúng tôi cần một bản khai sinh, giấy thú (nếu lập gia đình rồi), giấy ly hôn (nếu đã ly dị), giấy khai tử của vợ/chồng (nếu góa vợ/góa chồng), thẻ căn cước (nếu có), và hình. Nếu bà con ở cùng đi với bạn không chung ngọ với bạn hiện tại, xin viết địa chỉ của họ trong phần I)

C. RELATIVES OUTSIDE VIET-NAM.

Bà con thân thuộc ở ngoại quốc: none (không có)

1) Closest relatives in the US: none (không có)

2) Closest relatives in other foreign countries: none (không có)

D. COMPLETE FAMILY LISTING (LIVING/DEAD)

Danh sách toàn thể gia đình (sống/đã chết)

NAME (Họ và tên)

ADDRESS (Địa chỉ)

- | | |
|--|--------------------------------------|
| 1) FATHER: Nguyễn Văn NUÔI (L)
cha | 83/14 TÔN ĐẢN, F.14, Q.4 HCM City |
| 2) MOTHER: Bùi Thị LÀNH (L)
mẹ | 83/14, TÔN ĐẢN, F.14, Q.4 HCM City |
| 3) SPOUSE: ĐÔ-THỊ-GỖN (L)
vợ | 83/22A, TÔN ĐẢN, F.14, Q.4, HCM City |
| 4) Former spouse (if any)
(vợ chồng trước nếu có) | none (không có) |
| 5) CHILDREN (con cái) (L) | |
| (1) Nguyễn Trung-DŨNG (L) | 83/22A, TÔN ĐẢN, F.14, Q.4, HCM City |
| (2) Nguyễn Thị TRÚC-MAI (L) | - nt - |
| (3) Nguyễn Thị TRÚC-LOAN (L) | - nt - |
| (4) Nguyễn Trung CƯỜNG (L) | - nt - |
| (5) Nguyễn Trung THANH (L) | - nt - |
| 6) SIBLINGS
anh chị em | |
| - Nguyễn Thị ĐANG (L) | 83/24, TÔN ĐẢN, F.14, Q.4, HCM City |
| - Nguyễn Văn MINH (L) | - nt - |
| - Nguyễn Văn CHÂU (L) | - nt - |
| - Nguyễn Thị Ngọc YÊN (L) | - nt - |

E. EMPLOYMENT by U.S. GOVERNMENT AGENCIES OR OTHER U.S.

ORGANIZATION OF YOU OR YOUR SPOUSE / Bạn hoặc vợ/chồng
đã có làm việc cho công sở Mỹ hoặc hàng Mỹ.

none (không có)

2.
.
.

F. SERVICE WITH GVN OR RVNAF by YOU OR YOUR SPOUSE/ Ban
hoặc vợ/chồng đã Công sự với chính phủ VIETNAM.

1. NAME OF PERSON SERVING .

Họ tên người tham gia . NGUYỄN-VĂN-BE

2. DATES FROM TO

Ngày, tháng, năm từ 28-09-1963 tới 30-4-1975

3. LAST RANK

cấp bậc cuối cùng : Thiếu úy / Trưởng Ban Kế hoạch Ty
Nhân Dân Tự vệ Long An .

SERIAL-Number :

Thẻ nhân viên : 63A/168.977 .

4. MINISTRY/OFFICE/MILITARY UNIT .

BỘ/SỞ/ĐƠN VỊ BÌNH CHUNG : 1- Bộ Quốc Phòng , ban
chung Lưu Lũng Đặc Biệt

2- Biệt Fái Bộ Nội vụ ; Ty nhân dân Tự vệ Tỉnh
Long An .

5. NAME OF SUPERVISOR / C.O

Họ tên người giám thị / Sĩ
quan chỉ huy .

1) Đơn Tá : NGUYỄN VĂN CAM
2) Thiếu Tá : Lý Văn Mạo

6. REASON FOR SEPARATION

Lý do nghỉ việc : - Chấn thương và
QLVNCH thất thủ .

7. NAME OF AMERICAN ADVISOR.

Đến cơ' quan Mỹ

Lt. Colonel DURST.

8. US TRAINING COURSES IN VN

(Chương trình huấn luyện Hoa Kỳ
tại Việt Nam)

NO

9. US AWARDS OR CERTIFICATES

NO

NAME OF AWARD:

DATE RECEIVED:

Phân thưởng giấy khen

ngày nhận:

G. TRAINING OUTSIDE VN OF YOU OR YOUR SPOUSE / Bạn hoặc
vợ / chồng) đã huấn luyện ở' ngoại quốc: NO

1.

2.

H. RE-EDUCATION OF YOU OR YOUR SPOUSE / Bạn hoặc vợ / chồng
đã học tập cải tạo.

1. NAME OF PERSON IN REEDUCATION

Họ tên người đi học tập cải tạo: NGUYỄN-VĂN-BE

2. TIME IN RE-EDUCATION:

Thời gian học tập:

1. lần thứ 1 (From) Từ: 27.06.1975 To (Đến): 14.8.1980.

2. lần thứ 2 (From) Từ: 17.11.1981 To (Đến): 1-2.1984.

và (2 lần bị quản chế 2 năm).

3. STILL IN RE-EDUCATION*

YES

NO

Vẫn còn học tập cải tạo*

Có'

Không

* (IF RELEASED, WE MUST HAVE A COPY OF YOUR RELEASE
CERTIFICATE)

* (Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 022601848

Họ tên: NGUYỄN VĂN BÉ



Sinh ngày: 27-02-1943

Nguyên quán: Quận 4,

TP. Hồ Chí Minh.

Nơi thường trú: 83/22A Tôn Dàn

Phố, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh.



NGUYEN-VAN-BE

27-2-1973

Dân tộc: Kinh		Tôn giáo: Không	
	NGÓN TRỎ TRÁI	DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH	
		Nốt ruồi nổi G6m trên trước mép phải.	
	NGÓN TRỎ PHẢI	Ngày 15 tháng 3 năm 1989 KIỂM ĐỐC HOẶC LƯUƯNG TỶ CÔNG AN  Thư Đàm Văn Cho	

BỘ NỘI VỤ
CỤC QUẢN LÝ TRẠI GIẢI
THẢI XUÂN 198

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập -- Tự Do -- Hạnh Phúc

34.1569/GRT

GIẤY RA TRẠI

Căn cứ chỉ thị số 316/TT ngày 22-02-1977 của Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về chính sách đối với binh sĩ, nhân viên các cơ quan chính quyền địa phương, cơ sở và đảng phái phản động hiện đang bị tập trung cải tạo.

Căn cứ thông tư liên Bộ Quốc phòng -- Nội vụ số 73/TĐ ngày 23/3/1977 và việc thực hiện chỉ thị số 316/TT ngày 22-02-1977 của Thủ tướng Chính phủ.

Thực hành quyết định số 92/QĐ ngày 01/05/1977 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

CẤP GIẤY RA TRẠI

Họ và tên: Nguyễn Văn Ba

Ngày, tháng, năm sinh: 1943

Quốc tịch: Việt Nam

Trú quán: 83/22A Tôn dân đường số 4, Quận 4, TP. HCM

Số lần, cấp bậc, chức vụ trong bộ máy chính quyền, quân sự và các tổ chức chính trị phản động của chỗ ở cũ:

Thiền ủy, Ủy ban dân, Kế hoạch, Dân, Tự

Khởi, phôi, tức, tiếp, trình, hợp, giấy, với, Ủy Ban Nhân dân và công an xã, Phường: 83/22A Đường Tôn Dân, Quận 4

Quận: 04 Tỉnh, Thành phố: Hồ Chí Minh

và phải tuân theo các quy định của Ủy Ban Nhân dân Tỉnh, Thành phố về việc quản, chỗ, và nơi cư trú và các mặt quản lý khác:

Thời hạn quản, chỗ: 12 tháng

Thời hạn đi đường: 02 (Hàng) ngày (từ ngày ký giấy ra trại).

Tiền về lương thực đi đường đã cấp: 306 (Ba trăm sáu mươi)

Lưu tay ngón trở phải,
Chữ, dấu,
Bằng bản cổ,
Lập lại:

Bộ tên, chữ ký
của người cấp
cấp giấy.

Ngày 19 tháng 05 năm 1980
GIÁM THỊ TRẠI

Colin

BỘ NỘI VỤ
Trại QL CP PN Long An
Số 31 GRT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 001-QLTG, ban
hành theo công văn số
2563 ngày 27 tháng 11
năm 1972

29.8.083.00063

SIISLD

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ;

Thi hành án văn, quyết định tha số 241/GH-HĐ ngày 26 tháng 01 năm 84

của UBND TP HCM

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh NGUYỄN VĂN BÈ Sinh năm 1943

Các tên gọi khác

Nơi sinh Quận 4 Sài Gòn

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt 83/83 Tôn Đức Thắng 14 Quận 4 TP. Hồ Chí Minh

Can tội YUOT DIEN

Bị bắt ngày 27/11/1981

Án phạt 03 năm TCT

Theo quyết định, án văn số ngày tháng 11 năm 1981 của UBND TP HCM

Đã bị tăng án lần, cộng thành năm tháng

Đã được giảm án lần, cộng thành năm tháng

Nay về cư trú tại 83/83 Tôn Đức Thắng 14 Quận 4 TP. Hồ Chí Minh

Nhận xét quá trình cải tạo

Trong thời gian cải tạo anh A9 có chung "tinh thần" bị
chống kháng với nội dung của các bài

Thời gian dưới đây: 1. 12/1981

Đương sự phải trình diện tại UBND Phường, xã: Phường 14 Quận 4 TP. Hồ Chí Minh

Trước ngày 03 tháng 01 năm 1984

Lên tay người trả phải

Của NGUYỄN VĂN BÈ

Danh bìa số 1825

Lên tại 10/10/84

Họ tên, chữ ký
người được cấp giấy

Ngày 01 tháng 02 năm 1984



Thượng úy Trần Minh Khuê

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
ĐÔ-THÀNH SAIGON

QUẬN TƯ

Số hiệu: 182

TRÍCH-LỤC CHỨNG-THƯ HÔN-THU

Tên họ người chồng Nguyễn Văn Đo
nghề nghiệp Quan nhân
sinh ngày 27 tháng 2 năm một ngàn chín
trăm bốn mươi ba (1943) tại Saigon
cư-sở tại Saigon 83/14 Ton Dan
tạm trú tại X X X
Tên họ cha chồng Nguyễn Văn Giai
(Sống chết phải nói)
Tên họ mẹ chồng Bùi Thị Lanh
(Sống chết phải nói)
Tên họ người vợ Đỗ Thị Hòa
nghề-nghiep nhà trợ

sinh ngày 17 tháng 5 năm một ngàn chín
trăm bốn mươi hai (1942) tại Saigon
cư-sở tại Saigon 83/14 Ton Dan
tạm trú tại X X X
Tên họ cha vợ Nguyễn Khắc Thông
(Sống chết phải nói)
Tên họ mẹ vợ Đỗ Thị Tho(o)
(Sống chết phải nói)
Ngày cưới năm tháng sáu năm một ngàn chín trăm sáu mươi
bốn (1964)
Vợ chồng khai có hay không lập hôn khế X X

ngày X X X tháng X X X năm X X X
tại X X X ở X X X X X X X

TRÍCH Y BỒN CHÁNH,

Saigon, ngày 30 tháng 6 năm 1964

THIÊN CHÚC HỘ - TỊCH,



NGUYỄN-VĂN TÁNH
Phó Quận-Trưởng



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số **02035285E**

Họ tên **ĐỖ THỊ GÒN**

Sinh ngày **17-05-1942**

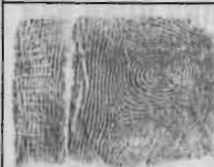
Nguyên quán TP. Hồ Chí Minh

Nơi thường trú **83/22A Tôn Đức,**
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.



Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Phật

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH



NGÓN TRỎ TRÁI

Nốt ruồi c, l, 8 sau
đau may trái



NGÓN LƯU PHẢI

Ngày 18 tháng 9 năm 1984



HOA KIỆT HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN

Chanh Van

NAM - PHẦN

VIỆT - NAM CỘNG - HÒA

ĐÔ - THÀNH SAIGON

HỘ - TỊCH

Bản số 0

TRÍCH - LỤC BỘ KHAI SANH

Năm một ngàn chín trăm bốn mươi hai (1942)

Đã kết hôn với Nguyễn
Văn Be tại Q.4 Saigon
ngày 5-6-64 (Chứng thu
hôn thú số 162/HT)

Saigon, ngày 7-5-68
TUN.ĐO TRƯỞNG SAIGON
TRƯỞNG PHÒNG HỘ TỊCH



Tên, họ đứa nhỏ.	Đỗ thị Gòn
Phối	féminin
Ngày sanh.	le dix sept Mai mil neufcent quarante deux à 9h15
Nơi sanh.	Saigon, 124 rue Boreasse
Tên, họ người Cha	/
Nghề-nghiệp.	/
Nơi cư-ngụ	/
Tên, họ người mẹ.	Đỗ thị Thọ
Nghề nghiệp.	marchande
Nơi cư-ngụ.	Saigon, 6 rue Hamelin
Vợ chánh hay thứ	célibataire

TRÍCH-LỤC Y BỔN CHÁNH:

H.5

Saigon, ngày 7 tháng 5 năm 1968

1968

TUN.ĐO-TRƯỞNG SAIGON
TRƯỞNG-PHÒNG HỘ-TỊCH

THÀNH THỊ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 021601672

Họ tên: NGUYỄN TRUNG DŨNG

Sinh ngày: 29-10-1964

Nguyên quán: Quận 4,
TP. Hồ Chí Minh.

Nơi thường trú: 83/22A Tôn-
Đản, Q.4, TP. Hồ Chí Minh.



Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Phật



NGÓN TRỎ TRÁI

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

Sẹo bầu dục d, 1, 5cm
0, 3cm x 0, 5cm trên
đuôi mắt trái.



NGÓN TRỎ PHẢI



NAM - PHẦN

VIỆT - NAM CỘNG - HÒA

ĐÔ - THÀNH SAIGON

HỘ - TỊCH

TOÀ HÀNH-CHÁNH-QUẬN

Số hiệu 403

TRÍCH - LỤC BỘ KHAI SANH

Năm một ngàn chín trăm sáu mươi bốn

Tên, họ đứa nhỏ.	Nguyễn Văn Tấn
Phái	nam
Ngày sanh.	ngày một chín tháng tư năm một ngàn chín trăm sáu mươi bốn
Nơi sanh.	Đã qua 10 năm
Tên, họ người Cha	Nguyễn Văn Ba
Tuổi	ba mươi một
Nghề-nghiệp.	quản nhân
Nơi cư-ngụ	8/14 Tôn Đức
Tên, họ người mẹ.	Trần Thị Lan
Tuổi	ba mươi hai
Nghề-nghiệp.	nhà máy
Nơi cư-ngụ.	8/14 Tôn Đức
Vợ chánh hay thứ	vợ chánh

Lập tại Saigon, ngày 3 tháng 7 năm 1964

TRÍCH-LỤC Y BỒN CHÁNH: 7/10

Saigon, ngày 2 tháng 12 năm 1964

QUẬN TRƯỞNG QUẬN

 NGUYỄN VĂN TẤN
 Phó Quận-Trưởng




CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: C21593278

Họ tên NGUYỄN THỊ TRÚC MAI

Sinh ngày 9-12-1966

Nguyên quán Quận 4,

TP. Hồ Chí Minh.

Nơi thường trú 83/22A Tôn Đức,

Quận 4, TP. Hồ Chí Minh.



Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Chật

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

Số thăng 1,5cm c,
2,5cm sau cánh mũi trái

7 tháng 8 năm 1981

PHÓ THỦ TƯỚNG CÔNG AN
PHÓ THỦ AN QUÂN 4



Thành Chật

ĐÔ - THÀNH SAIGON

HỘ - TỊCH

TOÀ HÀNH-CHÁNH-QUẬN

Số hiệu s. 5552

TRÍCH - LỤC BỘ KHAI SANH

Năm một ngàn chín trăm sáu mươi sáu (1966)

Tên, họ đứa nhỏ.	Nguyễn thị Trúc Mai
Phái	nr
Ngày sanh.	ngày chín tháng mười hai năm một ngàn chín trăm sáu mươi sáu
Nơi sanh.	Saigon 26 Tôn Đức
Tên, họ người Cha	Nguyễn Văn Do
Tuổi	hai mươi ba
Nghề nghiệp	quản nhân
Nơi cư-ngụ	Saigon 83/14 Tôn Đức
Tên, họ người mẹ.	Đỗ thị Gòn
Tuổi	hai mươi bốn
Nghề-nghiệp	nội trợ
Nơi cư-ngụ.	Saigon 83/14 Tôn Đức
Vợ chánh hay thứ	vợ chánh

Lập tại Saigon, ngày 10 tháng 12 năm 1966

TRÍCH-LỤC Y BỒN CHÁNH : 7/10

Saigon, ngày 12 tháng 12 năm 1966

QUẬN-TRƯỞNG QUẬN 4

1966



 NGUYỄN-VĂN TẤN
 Phó Quận-Trưởng

NAM PHÂN

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

ĐÔ-THÀNH SAIGON

HỘ-TỊCH

Tòa Hành-Chánh Quận

Số hiệu: 77



TRÍCH-LỤC BỘ KHAI SANH

Năm một ngàn chín trăm sáu mươi tám (1968)



Tên, họ đứa nhỏ . . .	Nguyễn Thị Trúc Loan
Phái.	Nữ
Ngày sanh	hai mươi một tháng hai năm một ngàn chín trăm sáu mươi tám
Nơi sanh	Saigon 26 Tôn Sơn
Tên, họ người Cha . .	Nguyễn Văn Ba
Tuổi.	hai mươi lăm
Nghề-nghiệp.	Quân nhân
Nơi cư-ngụ	Saigon 83/22 A Tôn Sơn
Tên, họ người Mẹ. . .	Đỗ Thị Sơn
Tuổi.	hai mươi sáu
Nghề-nghiệp.	Nội trợ
Nơi cư-ngụ	Saigon 83/22 A Tôn Sơn
Vợ chánh hay thứ. . .	Vợ chánh

Làm tại Saigon, ngày 26 tháng 2 năm 1968



TRÍCH-LỤC Y BỔN CHÍNH :

SAIGON, ngày 2 tháng 7 năm 1968

T.Ư. QUẬN-TRƯỞNG QUẬN

QUẬN-TƯ

L. L. NGUYỄN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số 022142642

Họ tên NGUYỄN TRUNG CƯỜNG



Sinh ngày 27-5-1969

Nguyên quán Quận 4

TP. Hồ Chí Minh.

Nơi thường trú 83/22A Tôn Đức

Q.4, TP. Hồ Chí Minh.



NG. TRUNG CỐ

27.5.69

Dân tộc: kinh		Tôn giáo: phật	
		NGON TRÒ TRAI	DÀI VẾT RIÊNG HOẶC BI HÌNH
			NGON TRÒ PHẢI
		Sọ bầu dục d, 0, 6cm r, 0, 4cm c, 6cm trên sau đầu may trái.	
		Ngày 23 tháng 9 năm 1985	
		GIAM ĐỐC ĐẶC TRƯỞNG TỶ CÔNG AN	
		 <i>Thống</i> <i>Chanh</i>	

NAM PHẦN

ĐÔ-THÀNH SAIGON

Tòa Hành-Chánh Quận 4

Số hiệu : 1818

*

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

HỘ - TỊCH

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI SANH

Năm một ngàn chín trăm sáu mươi chín (1969)

Tên, họ đứa nhỏ	Nguyễn trung Quong ✓
Phái.	nam
Ngày sanh	hai mươi bảy tháng năm năm một ngàn chín trăm sáu mươi chín ✓
Nơi sanh	Saigon 26 Tôn Đản
Tên, họ người Cha . . .	Nguyễn văn Be
Tuổi.	hai mươi sáu
Nghề-nghiep.	Quân nhân
Nơi cư-ngụ	Saigon 83/14 Tôn Đản
Tên, họ người Mẹ. . .	Đỗ thị Gòn
Tuổi.	hai mươi bảy
Nghề-nghiep.	nội trợ
Nơi cư-ngụ	Saigon 83/14 Tôn Đản
Vợ chánh hay thứ. . .	Vợ chánh

Làm tại Saigon, ngày 31 tháng 5 năm 1969

1969



TRÍCH-LỤC Y BỐN CHÁNH: T/6

SAIGON, ngày 1 tháng 7 năm 1969

TỔNG QUẢN TRƯỞNG QUẬN 4

LÊ-HIỆU-NAM

THÀNH PHỐ HỒ-CHÍ-MINH

Quận 4

Phường (Xã) Xóm Chiếu

BẢN SAO GIẤY KHAI SANH

Năm 19 75

Số 138/I

Họ, tên	NGUYỄN TRUNG THÀNH
Gái hay trai	NAM
Ngày, tháng, năm sinh	Mười chín tháng chín năm một ngàn chín trăm bảy mươi lăm
Nơi sinh	Bảo an xã 15B10 (Cao Thắng)
Họ, tên, tuổi, quốc tịch người cha	NGUYỄN VĂN BÈ 33 tuổi Việt Nam
Nghề nghiệp, chỗ ở người cha	Buôn bán, 83/22 Tôn Dẩn
Họ, tên, tuổi, quốc tịch người mẹ	DỖ THỊ GỖN 34 tuổi Việt Nam
Nghề nghiệp, chỗ ở người mẹ	Buôn bán, 83/22 Tôn Dẩn

Làm tại Xóm Chiếu, ngày 24 tháng 3 năm 19 76

CHÚ THÍCH



SAO LỤC

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 4 năm 19 76



HỘ TỊCH

PHẠM - QUANG - DIỆM

THAY ĐỔI CHỖ Ở CÁ HỘ

Chứng nhận đã chuyển đến ở:

Chứng nhận đã chuyển đến ở:

Từ ngày tháng năm

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

Ký tên, đóng dấu

Chứng nhận đã chuyển đến ở:

Chứng nhận đã chuyển đến ở:

Từ ngày tháng năm

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

Ký tên, đóng dấu

NHỮNG THAY ĐỔI KHÁC

Điều chỉnh căn cứ theo 1/1
Nguyễn Trung Thành 9/1975
ngày 08/09/88
P. Cảnh sát

Điều chỉnh cột số H 15 ngày bình
theo Ks là 21-2-68 N 4 ghi
ngày 2-2-68 ghi chi Đức đo
cột số 5 theo Ks ngày bình
27-5-69 ghi chi 5-69
gug Trung cũng ngày 17-9-89

Thượng úy: Nguyễn Xuân Tiến

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số: 419102 CN

Họ và tên chủ hộ:

ĐỖ THỊ GON

Ấp, ngõ, số nhà:

80/224

Thị trấn, đường phố:

TÔN DÂN

Xã, phường:

MƯỜI BỐN

Huyện, quận:

TU

Ngày 18 tháng 3 năm 1982.
Trưởng công an
(Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ tên)



Số NK 3:

Nguyễn Văn Tấn

NHỮNG NGƯỜI THƯỜNG TRÚ TRONG HỘ

[illegible]

FROM : NGUYỄN VĂN BẾ
83/22A. TÔN ĐẢN
HCM CITY - VIETNAM



20030



*7600



TO: BÀ KHUẾ MINH THƯ



P.O. BOX 5435 ARLINGTON VA 22205-0635

USA

70g = 27630 +

Ngày 11 tháng 01 năm 1990.

Melinh gửi Bà,

Bà hiểu biết với tâm lòng nhân hậu,
chứ sống xa quê hương an dân đã vẫn hằng
để tâm đến những người đi học tập cải tạo con
đang sinh sống tại quê nhà.

Vì vậy, lần này tôi xin mạn phép làm phiền
Bà. Xin bà hiểu lời cho vì đã làm mất thì giờ
quê hương của bà.

Chưa bà,

Sau 50.75 tôi đi học tập cải tạo, được diện nhân
viên đưa đi Singor đến tháng 8 năm 1980 được thả về.
Năm 1981 tôi đi vượt biên, không kể quả bị bắt
đi cải tạo lần hai đến năm 1984 được về. Tôi
được diện hai lần cải tạo nên không được ở thành
phố, mãi đến cuối năm 1988 mới được về cho
nhập hộ khẩu chung với gia đình.

Cuối năm 1989 tôi có làm một hồ sơ ODP gửi
sang Bangkok Maian. Cuối năm 1988 tôi có đăng
ký và nộp hồ sơ xin nhập nước CHXHCNVN được đi tái
định cư tại Mỹ theo chính sách chung. Tráp do
bà cũng đã có gửi 1 hồ sơ tương tự đến số 6.

Cháu Văn An (Tổ Công tác) Hà Nội. Tất cả tôi đến nay
không nhận được một hồi âm nào.

Tôi không thân nhân nước ngoài nên không
được tiền theo dõi hoặc nhận được sự giúp đỡ.
Hơn vọng duy nhất của gia đình tôi hiện nay
trông cậy vào sự nhân từ giúp đỡ của bà để
cho chúng tôi có được một cái LOT để bỏ túi hồ
sơ xin tái định cư tại Mỹ.

Tôi có kèm theo đây toàn bộ hồ sơ xin đi tại
định cư tại Mỹ theo đường tình H.D. của gia đình tôi,
giống như những hồ sơ tôi đã gọi trước đây.

Tôi tin rằng với sự tin và nỗ lực biết rằng
hải của bà; nếu được bà nhận lời giúp đỡ chúng
tôi sẽ sớm có tin tức và đạt được nguyện vọng
mong muốn.

Gia đình chúng tôi chân thành cảm tạ
bà và kính chúc bà cũng quý quyền được dồi
dào sức khỏe, vạn sự như ý.

Kính chào Bà

Lyon B.

Nguyễn Văn B.

COMPUTERIZED

B

XONG

16/12

CONTROL

____ Card
____ Doc. Request; Form
____ Release Order
____ Computer
____ Form "D"
____ ODP/Date 3/19/90
____ Membership Letter